

Số: **4751**/UBND-KT

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
NSNN năm 2023 và kế hoạch tài
chính - NSNN 03 năm 2023-2025

Đắk Nông, ngày **22** tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Cục Hải quan Đắk Lắk;
- Cục Thuế tỉnh Đắk Nông;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ngân hàng Chính sách xã hội CN tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Cục Hải quan Đắk Lắk; Cục Thuế tỉnh Đắk Nông; các Sở, Ban, ngành; các doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (gọi chung là cơ quan, đơn vị) và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện cần lưu ý một số nội dung sau:

1. Về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022

Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Chương II của Thông tư số 47/2022/TT-BTC để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi của cơ quan, đơn vị và của ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý. Trong đó:

a) Các cơ quan chuyên môn đánh giá sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2020-2025. Bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn, có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2021; nêu rõ những kết quả đạt được (đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2022), khó khăn, hạn chế; phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém; chỉ rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với những hạn chế, yếu kém và bài học kinh nghiệm.

b) Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Tình hình thực hiện các chính sách

miễn, giảm thu do thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tình hình hoàn thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt...

c) Đánh giá khả năng thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2022, theo từng lĩnh vực chi (bao gồm cả số chuyển nguồn từ năm trước sang năm 2022 để giải ngân theo quy định và việc điều chỉnh, bổ sung trong năm 2022), chi tiết: nguồn NSDP (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP); nguồn bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn trong nước; trong đó làm rõ:

- Việc bố trí dự toán, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng năm 2022; dự kiến số còn lại đến hết năm 2022 (nếu có); kiến nghị xử lý.

- Tình hình tổ chức thực hiện và giải ngân vốn ĐTPT năm 2022 và đánh giá cả năm 2022 (khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2023), trong đó chi tiết số giải ngân từ số thu chuyển nguồn năm 2021 sang.

- Số tăng thu, tiết kiệm chi của NSDP (nếu có).

- Tình hình phê duyệt, bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ các nguồn thu được để lại theo chế độ: nguồn thu phí, thu sự nghiệp công được để lại và nguồn thu hợp pháp khác, chi tiết từng lĩnh vực chi.

- Đánh giá những tồn tại, khó khăn, vướng mắc khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công và kiến nghị về cơ sở pháp lý, điều chỉnh cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện.

d) Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án, công trình của địa phương; thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Báo cáo khó khăn, vướng mắc (nếu có) và đề xuất giải pháp xử lý.

đ) Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia:

- Tình hình xây dựng các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tổng mức kinh phí cho Chương trình theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025 đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia (cụ thể nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có) theo từng lĩnh vực chi (nếu có).

- Việc bổ sung, phân bổ, giao dự toán năm 2022 (gồm cả dự toán năm 2021 chuyển sang) đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia; tiến độ giải ngân, khả năng thực hiện năm 2022, chi tiết đối với từng nguồn NSTW, NSDP; nguồn vốn ĐTPT, chi thường xuyên; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác; nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động khác - nếu có), theo từng lĩnh vực chi.

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

e) Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2022, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2022 (nếu có) theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Đánh giá về việc tiếp nhận các khoản vốn viện trợ không hoàn lại mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá rà soát việc giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

- Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao; làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của cơ quan với vai trò là cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

g) Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: Số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định, nguyên nhân và giải pháp xử lý.

h) Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2022 (báo cáo cụ thể đối tượng, kinh phí thực hiện). Đối với các chính sách an sinh xã hội theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 và kinh phí thực hiện chế độ chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và có hiệu lực thi hành sau ngày 01/9/2021, xác định nhu cầu NSNN, phần NSTW hỗ trợ, phần NSDP đảm bảo theo quy định.

Tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định; việc bố trí ngân sách (bao gồm cả số ngân sách cấp trên hỗ trợ có mục tiêu - nếu có) và sử dụng dự phòng NSDP để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; dự kiến cả năm 2022.

i) Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Ước thực hiện cả năm 2022 và lũy kế thực hiện đến hết năm 2022, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị.

k) Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao năm 2022 và dự kiến cả năm 2022; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

2. Về xây dựng dự toán NSNN năm 2023

Dự toán NSNN năm 2023 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025;

phù hợp với các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương theo quy định, các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan. Nội dung xây dựng dự toán NSNN năm 2023 cần bám sát ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Chương III của Thông tư số 47/2022/TT-BTC, trong đó lưu ý:

2.1. Đối với dự toán thu NSNN năm 2023

a) Dự toán thu NSNN phải được xây dựng ở mức phấn đấu tích cực, phù hợp với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2025, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu; phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2023 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tác động của chính sách.

Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ trong công tác dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước), nâng cao chất lượng xây dựng dự toán, khắc phục tình trạng dự báo, xây dựng dự toán thu từ đất đai chưa sát với thực tế trong thời gian qua.

b) Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA không hoàn lại và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu NSNN đã và đang thực hiện; các thỏa thuận đã và sẽ được ký kết, triển khai từ năm 2023 và tiến độ thực hiện của các khoản viện trợ; các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2022 của mình. Đối với các khoản viện trợ đã được tiếp nhận từ năm 2022 trở về trước chưa có dự toán được giao, các khoản viện trợ mới, chưa có trong kế hoạch trung hạn (đối với chi ĐTPT), cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố lập và tổng hợp vào dự toán năm 2023 để làm thủ tục bổ sung kế hoạch trung hạn, giao dự toán, hạch toán, quyết toán theo chế độ quy định (trong đó thể hiện cụ thể các dự án từ nguồn này đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hay chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn).

2.2. Đối với dự toán chi NSNN năm 2023

a) Xây dựng dự toán chi ĐTPT:

- Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN bao gồm cả nguồn vốn ODA (vốn vay và vốn viện trợ), vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu NSNN, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất) được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP và các nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN, các văn bản pháp luật khác có liên quan (ưu tiên

bố trí dự toán năm 2023 để đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh, có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội; thanh toán nợ xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án hoàn thành trong năm 2023).

Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.

- Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2023, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2023; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với dự toán chi cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý: Căn cứ quy định của pháp luật về cấp bù lãi suất và phí quản lý và tình hình thực hiện năm 2022, dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ; dự kiến tăng trưởng tín dụng, dư nợ cho vay, huy động vốn, lãi suất huy động, lãi suất cho vay,...; các nhiệm vụ tín dụng thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội để xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Trong đó lập riêng dự toán (kèm thuyết minh chi tiết) chi hỗ trợ lãi suất tín dụng đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và hỗ trợ lãi suất tín dụng các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội; chi cấp bù lãi suất và phí quản lý để cho vay các chương trình tín dụng chính sách (hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030), đảm bảo mức bố trí 02 năm 2022-2023 đối với các nhiệm vụ này theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15.

- Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn.

b) Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

- Bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm tối thiểu 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi ĐTPT và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

- Dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Trong đó: Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022; các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN đảm bảo chi thường xuyên giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

- Chi các hoạt động kinh tế từ nguồn phí sử dụng đường bộ: Căn cứ các tiêu chí phân bổ kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải đề xuất phương án phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm đề xuất dự toán kinh phí NSNN năm 2023 của Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp và dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

c) Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức: Căn cứ các Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ, tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); phân định cụ thể các nguồn vốn này thuộc NSDP và nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu.

d) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- Đối với các hội quần chúng khác đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật. NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2023; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2023 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của Quỹ).

3. Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025

Việc lập báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2023. Trong đó:

3.1 Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023-2025:

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Điều 18 và khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 47/2022/TT-BTC.

3.2. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025:

a) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6, Thông tư số 69/2017-TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025 cần thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia), chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

b) Lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 của tỉnh:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2023-2025 (các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm báo cáo số liệu thuộc phạm vi quản lý về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp), gửi Sở Tài chính để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Cục Hải quan và các cơ quan khác có liên quan lập kế hoạch thu NSNN năm 2023-2025.

Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương theo chế độ phân cấp được cấp có thẩm quyền quyết định, dự kiến số bổ sung từ NSTW cho NSDP do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2023-2025; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch chi NSDP năm 2023-2025, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi (bao gồm cả chính sách đặc thù do HĐND tỉnh quyết định); xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của Trung ương cho từng năm của giai đoạn 2023-2025; đối với các nhiệm vụ chi mới của địa phương trong từng năm của giai đoạn 2023-2025, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2023-2025.

- Việc lập kế hoạch số bội chi/bội thu, vay và trả nợ của NSDP các năm 2023-2025 thực hiện theo quy định Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương vào thời điểm cuối từng năm không vượt giới hạn theo quy định (trong đó làm rõ các nguồn: ODA vay về cho vay lại, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, các nguồn tài chính hợp pháp khác).

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về nội dung và chất lượng của báo cáo do mình lập; tùy vào mức độ ảnh hưởng đến kết quả tổng hợp chung của toàn tỉnh và quá trình xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 của địa phương (nếu có), UBND tỉnh sẽ xem xét, xử lý theo quy định.

Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố cụ thể như sau:

a) Đơn vị dự toán cấp I của cấp tỉnh báo cáo về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp đối với:

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán NSNN năm 2023 theo các nội dung yêu cầu (bao gồm nhiệm vụ thu, chi của cơ quan, đơn vị mình và nội dung tổng hợp nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực do mình quản lý). Gửi kèm các Mẫu biểu số 05, 06, 07, 08, 09, 12.1, 12.2, 12.3, 12.4, 12.5, 13.1, 13.2, 13.3, 13.4, 13.5, 13.6, 13.7, 13.8, 13.9, 13.10, 13.12, 14, 15.1, 15.2, 18, 23, 24, 25, 26, 27 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Biểu mẫu số 01, 02, 03, 04 tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính (chỉ báo cáo các nội dung liên quan đến hoạt động của cơ quan, đơn vị và các nội dung tổng hợp chung của ngành, lĩnh vực mình quản lý, thuyết minh chi tiết số liệu nêu tại các mẫu biểu).

- Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025. Gửi kèm các Mẫu biểu số 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC và Biểu mẫu số 03, 04 tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) UBND các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022 và xây dựng dự toán NSNN năm 2023 theo các nội dung yêu cầu, gửi về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế để tổng hợp. Gửi kèm các Mẫu biểu số 28, 29.2, 30, 31, 32, 33, 34, 35 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Biểu mẫu số 01, 02, 03, 04 tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

c) Cục Hải quan báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, xây dựng dự toán năm 2023 và kế hoạch thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn 2023-2025, gửi về Sở Tài chính (kèm theo Mẫu biểu số 04 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Mẫu biểu số 02 tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính) để tổng hợp.

d) Cục Thuế tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu nội địa năm 2022, xây dựng dự toán thu nội địa năm 2023 và kế hoạch thu nội địa giai đoạn 2023-2025, gửi về Sở Tài chính (kèm theo các Mẫu biểu số 01, 02, 03, 31 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Mẫu biểu số 02, 03 tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính) để tổng hợp.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2022, xây dựng dự toán năm 2023 và lập kế hoạch chi đầu tư phát triển giai đoạn 2023-2025, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp. Gửi kèm các Mẫu biểu số 23, 24, 25, 32, 33, 34 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Biểu mẫu số 04 tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

e) Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp chung, hoàn thiện Dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2022, dự toán NSNN năm 2023 và Dự thảo Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025, tham mưu UBND tỉnh bảo đảm trình tự và nội dung theo quy định.

Nhận được văn bản này, yêu cầu các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố khẩn trương tổ chức, triển khai thực hiện. Trường hợp gặp vướng mắc đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, KT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Mười